

Số: 01/TT-THHL

Mường Tùng, ngày 06 tháng 9 năm 2025

THÔNG TIN
VỀ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ VÀ NHÂN VIÊN
NĂM HỌC 2025 - 2026

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Đặc điểm, nội dung và tính chất hoạt động đơn vị

1.1. Nội dung hoạt động của đơn vị: Là đơn vị trực tiếp triển khai thực hiện nội dung chương trình giáo dục của cấp học Tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo tại xã Mường Tùng; Tham mưu, đề xuất với Phòng VH – XH xã Mường Tùng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực giáo dục và đào tạo cấp học Tiểu học tại địa bàn xã Mường Tùng.

Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi, xóa mù chữ; Thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục.

1.2. Đối tượng, phạm vi, tính chất hoạt động: Triển khai việc thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục và đào tạo; Đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hằng năm theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo; Luật công chức và Luật viên chức; Quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị trường học bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo của cấp học Tiểu học, theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo;

1.3. Cơ chế hoạt động: Có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và nhiệm vụ công tác của UBND xã Mường Tùng, Phòng VH – XH xã Mường Tùng; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng VH – XH xã Mường Tùng và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.

2. Những yếu tố tác động đến hoạt động của đơn vị

- Điều kiện kinh tế của nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã Mường Tùng là xã vùng cao, xã nghèo của tỉnh Điện Biên còn nhiều khó khăn, điều kiện đất đai, địa hình tự nhiên của xã chủ yếu là đồi núi cao, độ dốc lớn lại bị chia cắt nhiều bởi sông, suối, giao thông đi lại giữa các thôn bản phần đa là đường dân sinh.

- Địa bàn của xã rộng diện tích tự nhiên là 278,93 km², dân số 9.450 người, việc phân bố dân cư không tập trung ảnh hưởng đến tỷ lệ huy động, tỷ lệ đi học chuyên cần của học sinh và làm gia tăng biên chế giáo viên của nhà trường.

- Địa bàn của xã rộng, có nhiều bản vùng cao (bản Nậm Chua, Ca Dính Nhè) cách trung tâm xã gần 80 km dân cư chủ yếu là đồng bào Mông nên còn nhiều tập tục lạc hậu như trọng nam khinh nữ, tảo hôn sớm....

- Trình độ học sinh vào cấp học chưa đáp ứng chuẩn kiến thức và kỹ năng nên còn ngại học, nhiều học sinh phải ở nhà phụ giúp gia đình vào mùa nương rẫy.

- Trong xã vẫn còn hiện tượng truyền đạo trái phép, dân di dịch cư tự do, phụ huynh đi làm ăn xa ảnh hưởng đến việc dạy và học của giáo viên và học sinh.

- Cơ sở vật chất, lớp học, trang thiết bị tuy đã được quan tâm đầu tư bổ sung song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu dạy và học.

- Trên địa bàn do trường PTDTBT Tiểu học Huổi Lèng quản lý về giáo dục có 7/7 bản thuộc bản nghèo. Trên 99% dân số sống bằng nghề nương rẫy và các cây ngắn ngày, tỉ lệ hộ đói nghèo chiếm 36,03 %, hộ cận nghèo chiếm 18% ảnh hưởng đến việc huy động học sinh cũng như dạy và học của giáo viên và học sinh.

3. Sự cần thiết xây dựng đề án:

Hiện nay Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương đã có nhiều văn bản điều chỉnh, thay đổi về vị trí việc làm viên chức. Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập. Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập. Do đó, việc xây dựng, trình phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch viên chức của trường PTDTBT Tiểu học Huổi Lèng là rất cần thiết để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các nội dung có liên quan, đảm bảo việc thực hiện theo đúng quy định hiện hành, phù hợp với tình hình thực tế, phát huy được hiệu quả trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Văn bản pháp lý về việc thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị

Luật Giáo dục được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số: 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 ban hành.

Thông tư số 28/2020/TT – BGDDT ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào Tạo về việc Ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Thông tư số: 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTBT

2. Văn bản quy định về chức danh nghề nghiệp, cơ cấu viên chức và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, ...

2.1. Luật số 80/2025/QH15 của Quốc hội: Luật cán bộ, công chức ngày 24/06/2025 và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

2.2. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2.3. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ Quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

2.4. Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT, ngày 30/10/2023 về việc hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

2.5. Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/03/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

2.6. Thông tư số 20/2023/TT-BDĐT ngày 30/10/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt.

2.7. Thông tư 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GDĐT về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường Tiểu học công lập;

2.8. Thông tư 12/2022/TT-BNV, ngày 30/12/2022 của Bộ Nội Vụ Hướng dẫn vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức năng nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

2.9. Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

2.10. Văn bản số 2349/SNV-TCBC&TCPCP ngày 10/10/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc xây dựng đề án điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính.

3. Quy mô trường lớp và học sinh năm học 2025-2026

Khối lớp	Số lớp	Số học sinh	Số học sinh bán trú
1	6	94	26
2	5	92	24
3	3	88	61
4	3	91	60
5	3	85	58
Tổng	20	447	229

PHẦN II
XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM
I. PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT CÔNG VIỆC

Căn cứ Điều 5, 6, 7, 8, 9 của Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xác định số lượng người làm việc trong đơn vị như sau:

1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý

1.1. Vị trí: Hiệu trưởng trường Tiểu học

1.2. Vị trí: Phó hiệu trưởng trường Tiểu học

2. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành

2.1. Vị trí: Giáo viên văn hóa trường Tiểu học

2.2. Vị trí: Giáo viên chuyên trường Tiểu học

2.3. Vị trí: Giáo viên làm công tác Đội

3. Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung

3.1. Vị trí: Nhân viên văn thư, thủ quỹ

3.2. Vị trí: Nhân viên Kế toán

3.3. Vị trí: Nhân viên y tế học đường

3.4. Vị trí: Nhân viên thiết bị thư viện

4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ

4.1. Vị trí: Nhân viên bảo vệ

4.2. Vị trí: Nhân viên nuôi dưỡng

II. XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

Căn cứ Điều 5, 6, 7, 8, 9 của Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xác định số lượng người làm việc trong đơn vị như sau:

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng người làm việc được giao	Số lượng người làm việc cần có
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	03	03
1	Vị trí: Hiệu trưởng	01	01
2	Vị trí: Hiệu phó	02	02
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	30	33
1	Giáo viên tiểu học hạng I	0	0
2	Giáo viên tiểu học hạng II	9	9
3	Giáo viên tiểu học hạng III	21	21
4	Giáo vụ	0	01
5	Tư vấn học sinh	0	01

6	Hỗ trợ người khuyết tật	0	0
7	Tổng phụ trách Đội	01	01
III	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	01	03
6	Vị trí: Nhân viên văn thư, thủ quỹ,	0	01
7	Vị trí: Nhân viên Kế toán	01	01
8	Vị trí: Nhân viên thiết bị thư viện	0	01
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	07	05
9	Vị trí: Nhân viên y tế học đường	01	01
10	Vị trí: Nhân viên bảo vệ	02	01
11	Vị trí: Nhân viên nuôi dưỡng	04	03
	Cộng	41	44

III. MÔ TẢ CÔNG VIỆC, KHUNG CẤP ĐỘ YÊU CẦU VỀ NHÓM NĂNG LỰC ĐỐI VỚI TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC HUỖI LÈNG

(Có bản mô tả công việc và khung cấp độ yêu cầu về nhóm năng lực các vị trí việc làm kèm theo)

IV. TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng I hoặc tương đương (nếu có): 0, 0% tổng số;

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II (V.07.03.28) hoặc tương đương (nếu có) $11/41 = 26,8\%$ tổng số;

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng III (V.07.03.29) hoặc tương đương 22/41 người 53,7% tổng số;

- Chức danh khác: 08/41 người = 19,5% tổng số.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

- Bổ sung biên chế 01 nhân viên văn thư; 01 giáo vụ; 01 tư vấn học sinh; 01 nhân viên thư viện – thiết bị; 01 giáo viên văn hoá.

Nơi nhận:

- Phòng VH - XH;
- Website nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thanh Nghị